

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 112/TTr-SXD ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2026 và bãi bỏ Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành

khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Phan Thế Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng giải thích từ ngữ

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị, vận chuyển hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống với mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm: Toàn bộ địa giới hành chính của các phường; khu trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của các xã.

2. Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính của đô thị;

3. Đơn vị kinh doanh vận tải là các tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải bằng xe ô tô;

4. Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật là xe buýt có hệ thống thiết bị nâng, hạ phục vụ người khuyết tật lên,

xuồng xe và vị trí dành riêng cho người khuyết tật;

5. Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật, khiến cho việc đi lại, lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn;

6. Giờ cao điểm là khoảng thời gian thường xuyên (hàng ngày) có mật độ giao thông đi lại lớn tại một khu vực hoặc một tuyến đường.

Điều 4. Quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải: Phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện để hoạt động và chấp hành quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại Điều 45, Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định tại Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

c) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại khoản Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

d) Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

đ) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định hiện hành của Chính phủ, của Bộ Xây dựng, phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động; phù hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định;

e) Phương tiện hoạt động trong khu vực đô thị vào thời điểm thời tiết khô ráo

phải bảo đảm không để bùn, đất dính bám che phủ thân vỏ hoặc bám vào lớp gây rơi vãi ra đường, ảnh hưởng đến môi trường.

g) Đối với phương tiện ô tô chở hành khách phải có thùng hoặc túi đựng rác trên xe; trước khi xuất phát hành trình mới, xe phải được dọn dẹp sạch sẽ, không để ảnh hưởng đến hành khách đi trên xe.

Chương II

QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ

Điều 5. Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị.
2. Xe buýt phải hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định.
3. Khi dừng, đỗ cho hành khách lên, xuống xe tại các điểm dừng, đỗ người lái xe phải tuân thủ quy định của pháp luật về việc dừng đỗ xe khi tham gia giao thông; đồng thời phải chú ý quan sát nhường đường cho người điều khiển xe đang lưu thông cùng chiều bên phải, nhất là xe hai bánh.
4. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình tuyến đi qua để phục vụ mục đích khác. Trường hợp tuyến đường đó bị cấm hẳn ô tô hoạt động, thì đơn vị vận tải phải chủ động đề xuất với Sở Xây dựng để có phương án điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô; hoạt động vận tải hành khách bằng xe trung chuyển

1. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị như quy định đối với xe buýt được quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này.
2. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe trung chuyển chỉ phục vụ cho hoạt động vận tải khách tuyến cố định; không có thu tiền đối với hành khách.
3. Đón trả khách đúng nơi quy định, không gây mất trật tự ATGT, nhất là khu vực cổng bên xe.

Điều 7. Hoạt động vận tải khách du lịch; vận tải hành khách theo hợp đồng

1. Phương tiện kinh doanh vận tải khách du lịch, được ưu tiên bố trí nơi dừng đỗ thuận tiện để đón, trả khách du lịch, nhưng phải tuân thủ quy định của chính quyền địa phương theo phân cấp về tổ chức giao thông. Việc dừng đón trả khách du lịch tại các bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch... thì thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch đó.

2. Xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

a) Hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách, đồng thời phải giữ gìn an ninh trật tự xã hội và giữ vệ sinh chung; các điểm dừng, đỗ đón trả khách phải đảm bảo an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

b) Không sử dụng xe hợp đồng để hoạt động đón trả khách không có trong hợp đồng; hoạt động trá hình để thu gom khách và vận chuyển khách.

Điều 8. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả hành khách.

2. Người lái xe taxi phải mặc trang phục gọn gàng, áo có cổ, quần dài; có thái độ và lời nói đúng mực, lịch sự, văn minh với hành khách.

3. Người và phương tiện hoạt động vận chuyển hành khách theo hình thức xe taxi phải có đủ điều kiện về hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi.

4. Không lắp, gắn đèn; dán lô gô, biểu tượng hoặc tạo hình thức khác giống với xe taxi khi phương tiện đó không phải là xe taxi.

5. Người lái xe không được có hành vi gian dối để ăn chặn tiền của hành khách, tính tiền cước của hành khách cao hơn giá niêm yết quy định.

Điều 9. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Xe chở hàng phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.

2. Trường hợp xe chở hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe lưu thông vượt quá tải trọng quy định của biển báo hiệu đường bộ; xe cần thiết phải lưu thông trong đô thị trong thời gian không cho phép lưu thông thì phải có Giấy phép lưu hành xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 10. Thời gian và phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe

1. Các loại xe vận chuyển hành khách: Xe buýt, xe taxi, xe hợp đồng, xe du lịch, xe tuyến cố định, xe trung chuyển, xe đưa đón cán bộ, nhân viên, công nhân, học sinh, sinh viên được hoạt động 24/24 giờ trong ngày trừ trên các tuyến đường có biển báo cấm lưu thông.

2. Các loại xe vận chuyển hàng hóa

a) Các loại xe tải (trừ xe ben, xe đầu kéo, xe chở container) được phép hoạt động 24/24 giờ trong ngày, trừ trên các tuyến đường có biển báo cấm lưu thông;

b) Cấm các loại xe ben, xe đầu kéo, xe chở container hoạt động vào giờ cao điểm trên một số tuyến đường.

Chương III

TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 11. Quy định về phương tiện công cộng để người khuyết tật tiếp cận sử dụng

1. Phương tiện công cộng để người khuyết tật tiếp cận sử dụng trong quy định này là xe buýt.

2. Phải có chỗ ưu tiên cho người khuyết tật; có công cụ hỗ trợ lên, xuống thuận tiện hoặc sự trợ giúp phù hợp với đặc điểm của người khuyết tật. Chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật phải là chỗ ngồi ở vị trí dễ tiếp cận nhất, ngay gần cửa ra vào để đáp ứng khả năng tiếp cận ghế ngồi của người khuyết tật (đối tượng khó có khả năng di chuyển, khả năng di chuyển kém). Các thiết bị hỗ trợ của người khuyết tật mang theo như xe lăn, gậy chống đều được mang lên phương tiện giao thông công cộng.

Điều 12. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đầu tư các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau:

a) Trước 31/12/2026 phải có tối thiểu 15% trong tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

b) Từ năm 2027 đến hết năm 2030 mỗi năm tăng thêm ít nhất 05% tỷ lệ phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến (đến hết năm 2030, tối thiểu phải đạt 35%);

e) Đến năm 2035 tối thiểu phải đạt 60% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ:

a) Tổ chức khảo sát, xác định các vị trí cho phép dừng, đỗ xe và các vị trí cấm dừng đỗ xe đối với các loại phương tiện trong khu vực đô thị trên các tuyến đường do Sở quản lý;

b) Tổ chức khảo sát, lắp dựng biển báo cấm lưu thông hoặc cấm lưu thông theo giờ đối với các loại phương tiện trên tuyến đường do Sở quản lý để đảm bảo an toàn giao thông và tránh ùn tắc giao thông;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường khảo sát xác định giờ cao điểm trong ngày trên một số tuyến đường, khu vực để có phương án tổ chức giao thông cho phù hợp.

2. Chỉ đạo các đơn vị khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phục vụ người khuyết tật.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện việc cải tạo, đầu tư hạ tầng tại các điểm dừng, đỗ xe buýt đảm bảo hỗ trợ

cho người khuyết tật sử dụng lên, xuống được thuận tiện;

4. Phối hợp với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền (Cơ quan công an các xã, phường, lực lượng cảnh sát giao thông) tổ chức kiểm tra và xử lý các vi phạm trong hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

Điều 14. Công an tỉnh

1. Chỉ đạo Phòng CSGT, Công an các xã, phường kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông đối với hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác tổ chức giao thông, bảo đảm an toàn giao thông trong đô thị và các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Các sở, ngành và đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi quản lý ngành.

Điều 16. Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1, khoản 3 Điều 13 của Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ:

a) Tổ chức khảo sát, xác định các vị trí cho phép dừng, đỗ xe và các vị trí cấm dừng đỗ xe đối với các loại phương tiện trong khu vực đô thị trên các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Tổ chức khảo sát, lắp dựng biển báo cấm lưu thông hoặc cấm lưu thông theo giờ đối với các loại phương tiện trên tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý để đảm bảo an toàn giao thông và tránh ùn tắc giao thông.

3. Chỉ đạo các đơn vị chức năng kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm về hoạt động vận tải theo thẩm quyền trên địa bàn.

4. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến các đơn vị kinh doanh vận tải nắm,

chấp hành Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

5. Thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn quản lý; tổ chức quản lý hoạt động của các chủ thể kinh doanh, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp, báo cáo việc triển khai Quy định này tại địa phương và tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn về Sở Xây dựng khi có yêu cầu.

Điều 17. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan, tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét quyết định để đảm bảo tính phù hợp, bao quát của quy định./.